

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2023/ HS-PT  
Ngày: 07/12/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Minh Long**

*Các thẩm phán:*

Bà **Trần Thị Bé**

Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Vũ Tùng Lâm** - Thư ký TAND TP Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*  
Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 208/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Mai Thị Kim T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2023/HS-ST ngày 28 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Mai Thị Kim T** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 29 tháng 05 năm 1985, tại Q; Nơi ĐKNTTT: Thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Q; Nơi cư trú: Tổ 60, phường H, quận L, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Tấn P (chết) và bà Lý Thị L (sống); có chồng Bảo H (đã ly hôn) 02 con sinh năm 2011 và 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/05/2023 bị Công an quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2023 đến ngày 09/6/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có các bị cáo Đồng Minh T1, Lê Xuân T2, Hồ Thị Thu M nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22h10 ngày 24/4/2023, tại phòng 303 quán karaoke B, số 22 T, phường H, quận L, thành phố Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu phối hợp với Công an phường Hòa Minh tiến hành kiểm tra hành chính và phát hiện, bắt quả tang: Đồng Minh T1, Mai Thị Kim T, Lê Xuân T2 đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng Nguyễn Thị N.

**Tang vật thu giữ:** 01 (một) gói nylon kích thước 02x2.5cm bên trong chứa chất bột màu trắng; 01 (một) mảnh vỡ viên nén màu nâu nghi là chất ma túy; 01 (một) đĩa sứ màu trắng bị vỡ đôi, 01 (một) thẻ nhựa màu trắng có ghi chữ C; 01 (một) ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng; 01 (một) CMND mang tên Đồng Minh T1; 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu Samsung số imei: 352233119867xxx/01 gắn sim số 0905.643.xxx; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax số seri PF9H2V3xxx gắn sim số 0941.295.xxx; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung số imei: 358230102597xxx/37 gắn sim số 0905.253.xxx (I).

T và T1 khai nhận nguồn ma túy cả nhóm sử dụng mua của Hồ Thị Thu M. Đến 11h40 ngày 25/4/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Hồ Thị Thu M, tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của Hồ Thị Thu M ở địa chỉ: nhà số 26 L, phường H, quận L, thành phố Đ, tiếp tục thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số seri: F17WNE2UJxxx, gắn sim số 0788.032.xxx; 01 (một) căn cước công dân số 048196001xxx mang tên Hồ Thị Thu M (II).

Cơ quan điều tra còn thu giữ của Mai Thị Kim T: 01 (một) xe máy BKS 76B1-085.94 màu xanh hiệu Honda Vision, số khung: 088xxx, số máy: 0088xxx (III).

Theo Kết luận giám định số 352/KL, ngày 28/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác định:

- 01 (một) mảnh vỡ viên nén màu nâu trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu A1: 0,168 gam.

- Chất bột màu trắng trong mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, loại ketamine, khối lượng: 0,012 gam.

Quá trình điều tra, Đồng Minh T1, Mai Thị Kim T, Lê Xuân T2 và người sử dụng ma túy Nguyễn Thị N thừa nhận hành vi của mình, sau đó T1 và T2 thay đổi lời khai. Tuy nhiên, từ lời khai ban đầu và các vật chứng thu giữ xác định:

Khoảng 17h ngày 24/4/2023, Đồng Minh T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Thị N cùng ngồi ăn nhậu tại quán T, đường Đ, quận L, thành phố Đ. Đến khoảng 19h cùng ngày, T1 nảy sinh ý định muốn sử dụng ma túy nên đã rủ T2, N cùng “đi nghe nhạc”. Khi nghe T1 rủ “đi nghe nhạc” thì T2 biết là đi sử dụng trái phép chất ma túy, còn N chỉ nghĩ là đi nghe nhạc và hát karaoke nên N đồng ý đi cùng. Đến khoảng 19h10 cùng ngày, T1 liên hệ với Mai Thị Kim T qua zalo rủ T cùng sử dụng ma túy, nhờ T mua ma túy, đặt phòng karaoke để cả nhóm cùng sử dụng. T thống nhất và liên hệ với quán karaoke B để đặt phòng; sử dụng số điện thoại 0905.643.112 liên hệ với Hồ Thị Thu M

qua số điện thoại 0788.032.408 để đặt mua 02 (hai) viên thuốc lắc và 01 (một) chỉ ketamin (01 gam) với giá 2.200.000 đồng. M gửi số tài khoản đứng tên Hồ Thị Thu M mở tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV số 56010000878xxx cho T, T gửi số tài khoản này cho Đồng Minh T1 và vào lúc 19h58 cùng ngày, T1 đã chuyển khoản đến tài khoản này của M số tiền 2.200.000 đồng mua ma túy.

Đến 19h45 cùng ngày, T1, T2, N đến quán karaoke B nhận phòng 303. T điều khiển xe máy BKS 76B1-085x.xx đến quán karaoke B, gặp M nhận ma túy. Sau đó, T đem ma túy lên phòng 303 rồi bẻ 02 (hai) viên thuốc lắc thành 04 (bốn) mảnh để lên bàn. T tiếp tục đổ gói ma túy ketamine ra đĩa sứ và sử dụng thẻ nhựa (đĩa sứ và thẻ nhựa mượn của quán karaoke B trước đó) phân ma túy ketamin ra thành nhiều đường nhỏ để cả nhóm cùng sử dụng. T1 lấy 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng ra để quán thành ống hút, nhưng vì quán không được nên T1 đã đưa cho T2 quán. Sau khi quán ống hút xong thì T2 lấy 01 (một) mảnh viên thuốc lắc đưa cho T sử dụng; lấy 01 (một) mảnh viên thuốc lắc nhét vào miệng của N, nhưng N không dùng nên đã nhả ra và ném xuống đất. T1, T2 tự lấy thuốc lắc để sử dụng cho bản thân. Sau đó, T1, T2, T cùng nhau sử dụng ma túy loại ketamine, còn N không sử dụng ma túy. Đến 22h10 cùng ngày thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt quả tang như đã nêu ở trên.

**Đối với Hồ Thị Thu M:** M bán ma túy cho T lần đầu, nguồn ma túy M mua của người tên “Quý” (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 1.600.000 đồng, M điều khiển xe mô tô hiệu Attila Eliza BKS 92N1-418.30 (xe thuộc sở hữu của anh Trương Văn H, sinh năm 1995, trú tại tổ 02, phường H, quận L, thành phố Đ, là chồng M) đến ngã tư đường Đ – N, quận L, thành phố Đ để nhận ma túy và trả tiền mua ma túy cho “Q” bằng tiền mặt. Sau khi nhận ma túy từ “Q”, M đem số ma túy trên đến trước cửa quán karaoke B giao cho T. M bán ma túy cho T thu lợi 600.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy cho T, M đã tiêu xài cá nhân hết.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2023/HS-ST ngày 28/09/2023 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Mai Thị Kim T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 24/4/2023 đến ngày 09/6/2023 là 43 ngày, còn phải chấp hành 07 năm 4 tháng 17 ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Đồng Minh T1, Lê Xuân T2, Hồ Thị Thu M nhưng các bị cáo này không kháng cáo, không bị kháng nghị; phân xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

- Ngày 02/10/2023, bị cáo Mai Thị Kim T có đơn kháng cáo với nội dung: Khi phạm tội bị cáo đang có thai sau đó bị hư thai, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha đã mất vào tháng 9/2023, mẹ già yếu trên 70 tuổi bị tàn tật ngồi xe lăn, đã ly hôn chồng có 2 con còn nhỏ dại; mức án Tòa sơ thẩm tuyên là quá nặng; xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; xin xem xét trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 76B1 – 08xxx để làm phương tiện đi lại nuôi mẹ già yếu và các con nhỏ.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo Mai Thị Kim T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã nêu và kết luận; bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo; xin trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 76B1 – 08xxx.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Mai Thị Kim T cùng các đồng phạm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong vụ án, bị cáo là người đồng phạm có vai trò tích cực chỉ đứng sau bị cáo T1; mức án 7 năm 6 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, vai trò phạm tội của bị cáo. Tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện khi phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai sau đó thì bị mất thai, nhưng khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là thiếu sót, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng bổ sung cho bị cáo. Tuy nhiên, xét mức án trên là phù hợp, không nặng; các tình tiết thuộc về nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 BLHS; nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Về nội dung kháng cáo xin trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 76B1 – 08xxx; xét bị cáo T không sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội, mà chỉ sử dụng xe này di chuyển từ nơi ở đến quán Karaoke Ba Miền để cùng đồng bọn tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đây là phương tiện đi lại của bị cáo; nên đề nghị chấp nhận nội dung kháng cáo này trả lại xe máy trên cho bị cáo quản lý, sở hữu.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Mai Thị Kim T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với kết luận của bản án sơ thẩm. Do vậy, HĐXX có cơ sở khẳng định: Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2023/HS-ST ngày 28/09/2023 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Mai Thị Kim T cùng các đồng phạm Đồng Minh T1, Lê Xuân T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2] Trong vụ án này bị cáo T là người đồng phạm, nghe theo sự rủ rê, chỉ đạo của bị cáo T1; khi được T1 rủ sử dụng ma túy thì bị cáo đã đồng ý, bị cáo cũng là người liên hệ đặt phòng Karaoke B để tổ chức hát và sử dụng ma túy, bị cáo cũng là người trực tiếp liên hệ với bị cáo Hồ Thị Thu M để đặt mua 2 viên thuốc lắc và 1 chỉ Ketamine với giá 2.200.000 đồng, cung cấp số tài khoản của M cho T1 để T1 chuyển tiền mua ma túy cho M; bị cáo T cũng chính là người mang ma túy lên phòng, bỏ 02 viên thuốc lắc thành 4 mảnh để lên bàn, đổ ma túy Ketamine ra đĩa sứ và sử dụng thẻ nhựa để chẻ ma túy ra thành nhiều đường nhỏ cho cả bọn gồm: T1, T2 và thụ hưởng là Nguyễn Thị N cùng sử dụng; vai trò phạm tội của bị cáo là tích cực, chỉ đứng sau bị cáo T1.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Mai Thị Kim T, HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương, nên cần xử phạt nghiêm. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Khi bị bắt và đưa vào nhà tạm giữ ngày 24/4/2023 xác định bị cáo có quan hệ tình dục trước đó 7 ngày; tại phiếu siêu âm thai ngày 01/6/2023 và ngày 07/6/2023 thể hiện bị cáo là người có thai, nên ngày 01/6/2023 Trưởng nhà tạm giữ Công an quận Liên Chiểu đã có Văn bản thông báo về việc bị can nữ có thai 06 tuần 3 ngày, trên cơ sở đó Cơ quan điều tra Công an quận Liên Chiểu đã thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp cho bảo lãnh đối với bị cáo; sau đó tại phiếu siêu âm đề ngày 21/6/2023 thể hiện bị cáo bị mất thai. Tuy nhiên, khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là thiếu sót; mặt khác xét hoàn cảnh gia đình bị cáo thật sự khó khăn đã ly hôn chồng, có 2 con sinh năm 2011 và 2014, cha chết mẹ già yếu bị tàn tật ngồi xe lăn. Do vậy, HĐXX thấy bị cáo có tình tiết mới chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, nên

chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Riêng kháng cáo xin hưởng án treo, HĐXX không chấp nhận.

[4] Xét nội dung kháng cáo liên quan đến quyết định xử lý vật chứng tịch thu sung công quỹ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 76B1 – 08xxx của bị cáo Mai Thị Kim T, HĐXX nhận thấy: Không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện bị cáo T đã sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo chỉ sử dụng xe này để di chuyển từ nơi ở đến quán Karaoke B, đây là phương tiện đi lại kiếm sống của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu sung công quỹ chiếc xe này nhưng không nêu rõ lý do trong bản án là không đúng, không phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị cáo, tuyên trả lại chiếc xe trên cho bị cáo quản lý, sở hữu.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do được chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

I. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a, c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Mai Thị Kim T; sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm hình phạt và sửa phần xử lý vật chứng liên quan đến chiếc xe Honda Vision BKS 76B1 – 08xxx của bị cáo T.

1.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Mai Thị Kim T 07 (Bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 24/4/2023 đến ngày 09/6/2023 là 43 ngày, còn phải chấp hành 06 năm 10 tháng 17 ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 76B1 – 08xxx màu xanh, số khung: 088xxx, số máy: 0088xxx cho bị cáo Mai Thị Kim T. (Xe máy trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2023).

II. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Mai Thị Kim T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CQCSĐT Công an quận Liên Chiểu;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Long**

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyên      Trần Thị Bé

Trần Minh Long

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CQCSĐT Công an quận Liên Chiểu;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Những người tham gia tô tụng;
- Lưu HS.

**Phan Vĩnh Chuyển**







